

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng vượt mốc 1000 điểm, tương đồng với diễn biến tích cực của chứng khoán Châu Á sau khi Fed công bố biên bản họp tháng 11, phát đi tín hiệu về việc sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK châu Á.

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

NVL, GVR

[Vĩ mô/Chiến lược]

Cơ cấu ETF tháng 12

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục trải lệnh chốt lời theo kỳ vọng, đóng dần các vị thế ngắn hạn tại các vùng giá cao trong phiên.

26/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,005.97	+0.60
VN30	964.16	+0.37
HĐTL VN30F1M	970.20	+1.06
HNXIndex	148.40	+0.21
HNX30	269.12	+0.17
UPCoM	66.50	-0.15
USD/VND	23,165	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.39	-11
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	44.90	-1.77
Vàng (LME, \$)	1,816.15	+0.48



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,005.97 (+0.60%)
KLGD (triệu CP) 493.6 (+13.5%)
GTGD (triệu US\$) 444.4 (-6.5%)

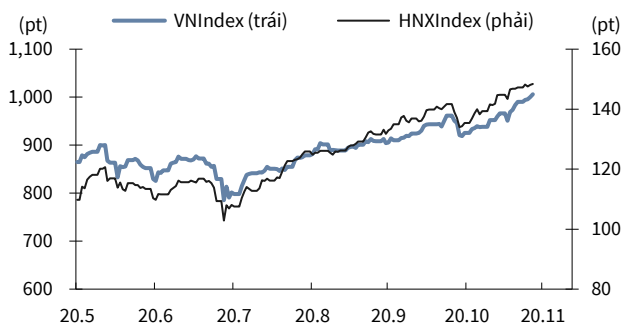
HNXIndex 148.40 (+0.21%)
KLGD (triệu CP) 62.3 (-18.5%)
GTGD (triệu US\$) 48.7 (+6.0%)

UPCoM 66.50 (-0.15%)
KLGD (triệu CP) 29.0 (-51.1%)
GTGD (triệu US\$) 17.7 (-0.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -19.9

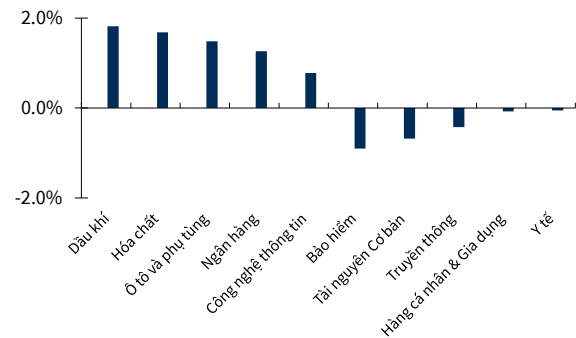
TTCK Việt Nam tăng vượt mốc 1000 điểm, tương đồng với diễn biến tích cực của chứng khoán Châu Á sau khi Fed công bố biên bản họp tháng 11, phát đi tín hiệu về việc sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ. Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu tôm sang Liên minh châu Âu (EU) trong tháng 10/2020 đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ đầu năm nhờ tác động tích cực từ Hiệp định EVFTA, giúp cổ phiếu nhóm thủy sản tăng giá FMC (+7%), MPC (+2.2%). Cổ phiếu nhóm nhiệt điện tăng giá PPC (+1.3%), HND (+0.6%) trước thông tin từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cho biết tổng sản lượng điện huy động được từ nhiệt điện than trong 10 tháng đầu năm đạt mức cao 103.74 tỉ kWh (+6.35% yoy). Thông tin Bộ Tài chính đã đề nghị tiếp tục áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay là 2,100 đồng/lít theo (thay vì 3,000 đồng/lít như trước), giúp các hãng hàng không trong nước có thể tiết kiệm khoảng 2,000 tỷ đồng tác động tích cực đến cổ phiếu VJC (+0.9%). Khối ngoại bán ròng ở HDB (+0.39%), HPG (-1.4%), MBB (+0.26%).

VNIndex & HNXIndex



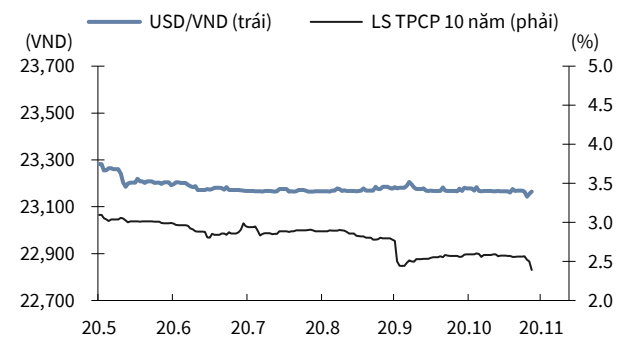
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



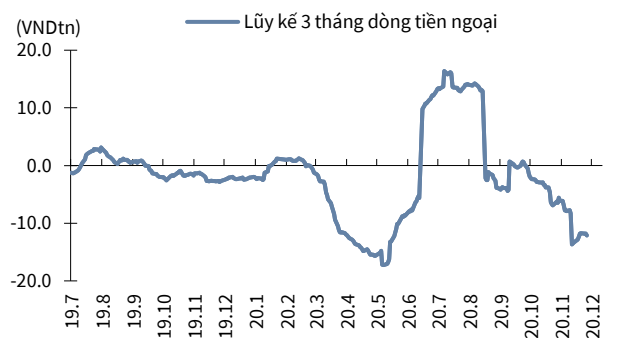
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

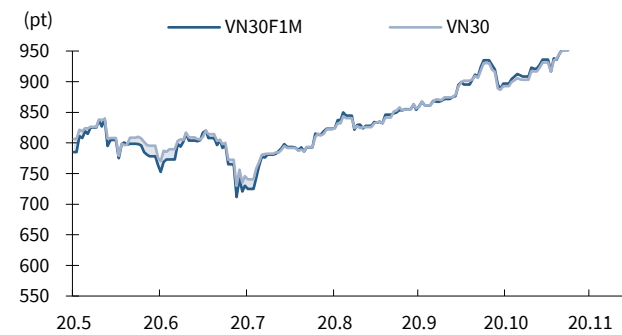
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	964.16 (+0.37%)
VN30F1M	970.2 (+1.06%)
Mở cửa	959.9
Cao nhất	975.9
Thấp nhất	958.2

HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK châu Á. Chênh lệch F2012 và Vn30 mở cửa ở mức thấp nhất trong ngày -1.43 trước khi mở rộng tăng dần trong phiên và đóng cửa ở mức 6.04 khi NĐT gia tăng vị thế LONG. NĐTNN tiếp tục mua ròng mạnh trong phiên hôm nay trong khi thanh khoản suy giảm.

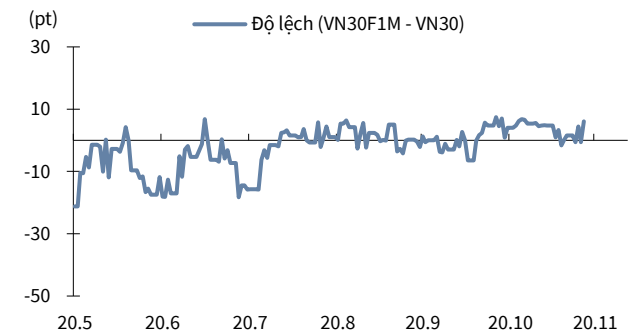
KLGD (HĐ)	114,424 (-10.6%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



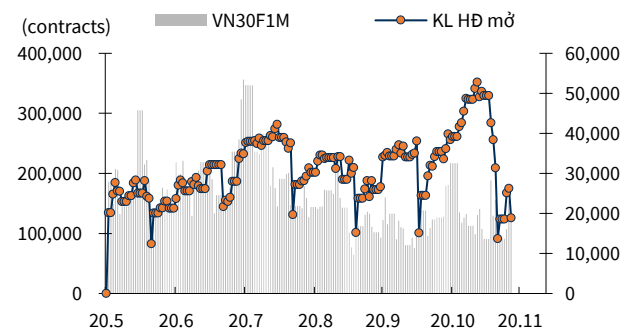
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



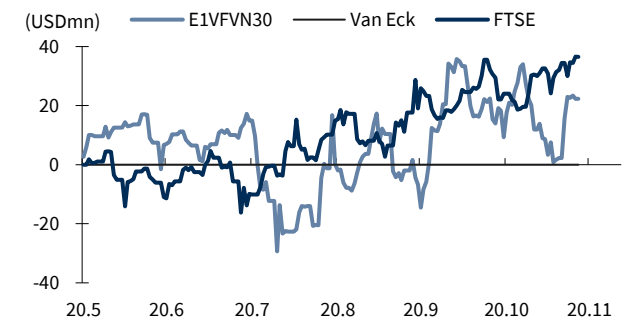
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

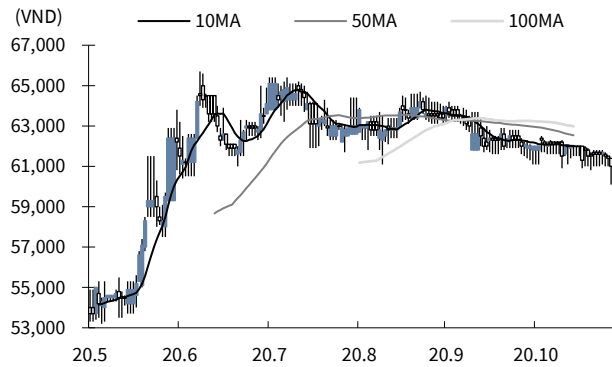
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

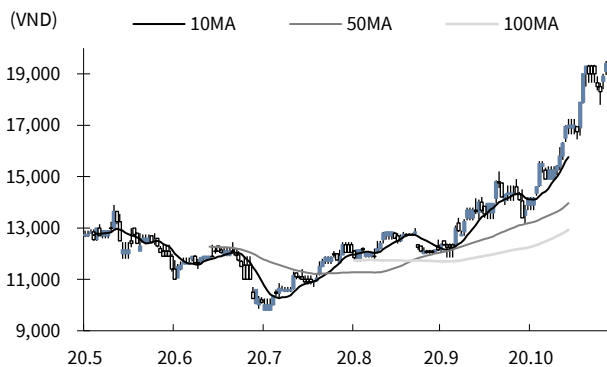
Novaland (NVL)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NVL giảm -0.7% xuống 61,000 VNĐ/cp.
- Theo ban lãnh đạo, NVL mới đây đã thực hiện một thương vụ M&A trị giá gần 1 tỷ USD, giúp công ty bổ sung thêm 286 ha quỹ đất tại tỉnh Đồng Nai.
- NVL hiện sở hữu danh mục hơn 40 dự án nhà ở với nhiều loại hình sản phẩm đa dạng như căn hộ, biệt thự, nhà phố thương mại, văn phòng với quỹ đất khoảng 5,000ha.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GVR tăng 2.6% lên 19,400 VNĐ/cp.
- GVR mới đây thông qua giá khởi điểm và phương án thoái vốn tại CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (mã chứng khoán SIP). Theo đó, GVR dự kiến chào bán đấu giá đợt một 9.3 triệu cổ phiếu với giá khởi điểm 97,500 đồng/cổ phiếu thông qua khớp lệnh hoặc giao dịch thỏa thuận trên sàn; còn lại 1.4 triệu cổ phiếu thường sẽ tiếp tục chào bán khi hoàn thành việc thẩm định, phê duyệt giá khởi điểm. Như vậy, nếu thoái vốn thành công đợt 1 GVR ước tính thu về tối thiểu 910.6 tỷ đồng.

Cơ cấu ETF tháng 12

FTSE Vietnam & MVIS Vietnam Index

Danh mục FTSE Vietnam Index nhiều khả năng sẽ không có sự thay đổi trong kì review tới

Các cổ phiếu hiện tại trong chỉ số FTSE Vietnam Index đều đáp ứng tốt điều kiện xét duyệt, chỉ trừ PVD ở sát ngưỡng đạt chuẩn tiêu chí vốn hóa điều chỉnh free-float. Số lượng trong rổ cổ phiếu nhiều khả năng sẽ không thay đổi. Trong kịch bản số lượng cổ phiếu tăng lên, DXG và HDB được xem là ứng cử viên tiềm năng. Ngày cuối cùng thực hiện cơ cấu danh mục thứ 6 (18/12). Danh mục mới có hiệu lực từ thứ 2 (21/12).

Danh mục MVIS Vietnam Index nhiều khả năng sẽ không có sự xáo trộn trong kì review tới

Các cổ phiếu hiện tại trong chỉ số MVIS Vietnam Index đều đáp ứng tốt điều kiện xét duyệt. Số lượng trong rổ cổ phiếu nhiều khả năng sẽ không thay đổi. Trong kịch bản số lượng cổ phiếu tăng lên, STB và SHB có thể sẽ được cân nhắc để thêm vào. Ngày cuối cùng thực hiện cơ cấu danh mục thứ 6 (18/12). Danh mục mới có hiệu lực từ thứ 2 (21/12).

Tác động dự kiến trong kì review tháng 12:

Cổ phiếu được mua vào đáng kể: POW, SBT, BVH, VCB, VJC

Cổ phiếu bị bán ra đáng kể: MSN, VRE, PLX, SSI, VIC

FTSE sẽ công bố thay đổi quý chỉ số FTSE Vietnam index vào cuối ngày thứ 6 (4/12/2020) và MVIS sẽ công bố thay đổi quý chỉ số MVIS Vietnam index vào cuối ngày thứ 6 (11/12/2020). Chúng tôi ước tính dòng tiền tác động lên cổ phiếu (Bảng 1 & Bảng 2) dựa trên giá trị tài sản của các ETFs mô phỏng theo 2 bộ chỉ số, bao gồm FTSE Vietnam ETF với 275 triệu USD và VanEck Vectors Vietnam ETFs với 411 triệu USD. Cổ phiếu hưởng lợi từ việc mua vào bao gồm: POW, SBT, BVH, VCB, VJC. Cổ phiếu chịu áp lực bán bao gồm: MSN, VRE, PLX, SSI, VIC.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

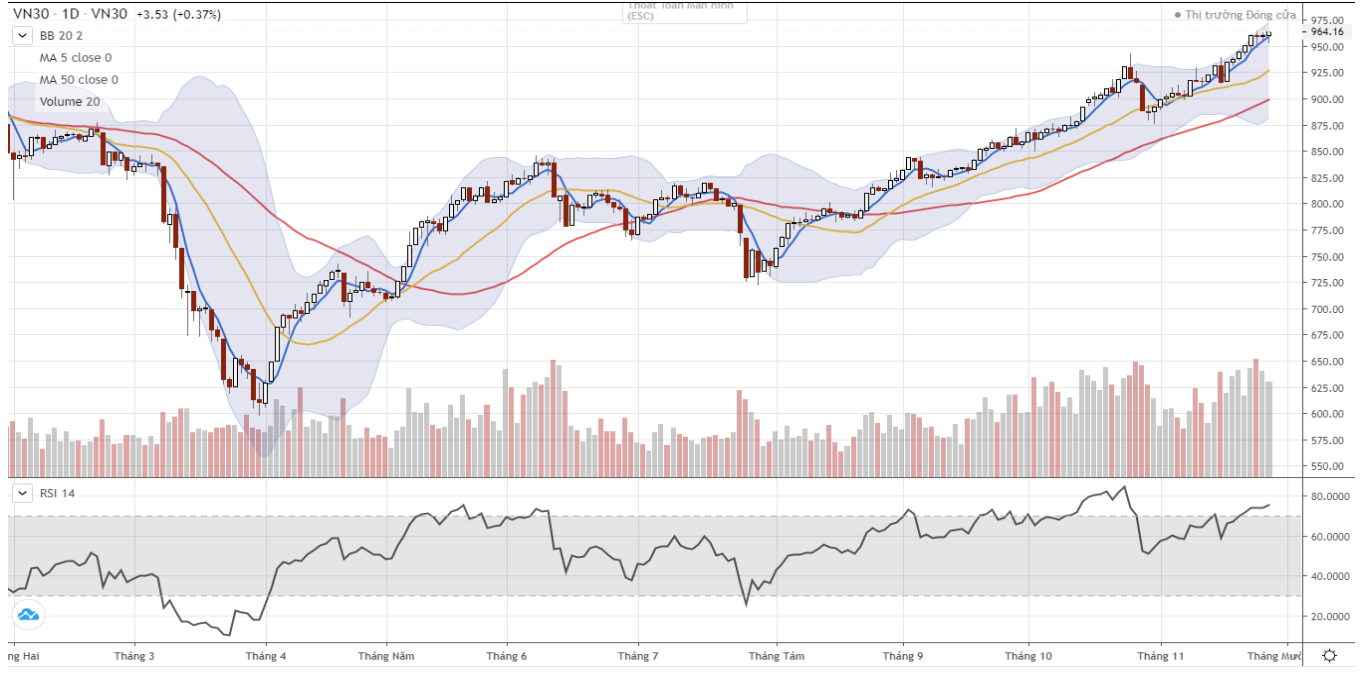
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co đầu phiên trước khi bật tăng mạnh về cuối phiên.
- Mặc dù chỉ số đang để ngỏ khả năng mở rộng nhịp tăng với đích kì vọng kế tiếp quanh mốc 1,020 nhưng chúng tôi chuyển sang quan điểm thận trọng với vùng điểm từ trên 1,000 và cho rằng rủi ro đảo chiều điều chỉnh đang có phần lấn át dư địa tăng điểm.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục trải lệnh chốt lời theo kỳ vọng, đóng dần các vị thế ngắn hạn tại các vùng giá cao trong phiên.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 976 - 980

Kháng cự gần: 971 - 973

Hỗ trợ gần: 966 - 968

Hỗ trợ xa: 962 - 964

— F1 diễn biến giằng co đầu phiên trước khi bật tăng mạnh về cuối phiên.

— Mặc dù cơ hội mở rộng thêm nhịp hồi phục vẫn hiện hữu với vùng kháng cự kế tiếp quanh 980 nhưng chúng tôi cho rằng rủi ro đảo chiều của F1 đang dần tăng lên với sự xuất hiện của các phiên biến động trong biên độ rộng.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch cả 2 chiều, mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và SHORT tại các vùng kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Bắt đầu mở thăm dò 1 phần tỷ trọng cho vị thế SHORT tại các vùng kháng cự nhưng cần đặt ngưỡng STOP chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

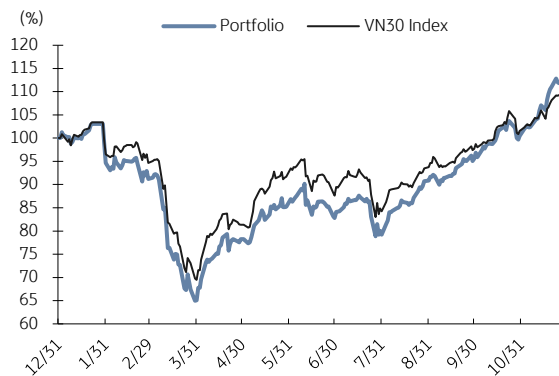
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.11%	-0.22%
Tăng lũy kế (YTD)	9.28%	11.79%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	112,000	0.0%	-3.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,350	-0.2%	15.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	76,200	0.4%	-0.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	19,450	0.5%	13.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	45,900	-0.2%	35.0%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	55,200	-0.7%	64.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,000	0.8%	35.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	82,700	0.2%	12.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	35,600	-5.1%	82.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	15,200	2.0%	10.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.9%	99.9%	54.5
VRE	-1.2%	30.6%	13.7
BID	3.2%	17.3%	12.0
TCH	2.5%	4.8%	9.8
HDG	2.1%	9.4%	9.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HDB	0.4%	18.0%	-299.1
HPG	-1.4%	33.5%	-157.3
MBB	0.3%	23.0%	-54.6
PLX	2.0%	15.8%	-32.5
VHM	-1.0%	21.9%	-27.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SZB	0.0%	0.5%	7.5
VCS	-0.4%	2.9%	3.4
BAX	0.0%	4.3%	0.6
DP3	0.1%	1.1%	0.3
LHC	-1.5%	22.9%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NST	9.6%	8.4%	-1.2
HUT	4.0%	3.8%	-0.6
BVS	0.0%	23.4%	-0.5
NHA	6.9%	7.0%	-0.5
NTP	1.8%	19.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	4.0%	TCH, DRC
Ngân hàng	3.3%	VCB, BID
Bất động sản	3.2%	VHM, VIC
Xây dựng và Vật Liệu	3.0%	VGC, CVT
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.8%	PNJ, TCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-3.2%	BVH, BIC
Truyền thông	0.1%	YEG, PNC
Hóa chất	0.1%	PHR, DCM
Tài nguyên Cơ bản	0.4%	HPG, HSG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.0%	LGC, TMS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	27.1%	GVR, PHR
Tài nguyên Cơ bản	16.5%	HPG, HSG
Hàng cá nhân & Gia dụng	13.7%	PNJ, TCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.4%	GAS, POW
Du lịch và Giải trí	13.0%	VJC, HVN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.3%	YEG, PNC
Thực phẩm và đồ uống	4.1%	MSN, DAT
Y tế	4.7%	DBD, DBT
Bất động sản	6.4%	NVL, KOS
Ô tô và phụ tùng	7.1%	SVC, CSM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	106,100	358,876 (15,492)	90,566 (3.9)	22.8	57.7	42.6	19.5	6.7	8.7	4.1	3.7	0.5	2.0	1.0	-7.7
	VHM	VINHOMES JSC	82,700	272,043 (11,744)	215,249 (9.3)	27.1	10.2	8.8	35.1	38.2	31.8	3.2	2.4	-1.0	6.7	5.4	-2.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,900	63,398 (2,737)	139,246 (6.0)	18.4	26.7	19.8	-2.7	8.3	11.5	2.2	2.1	-1.2	0.0	0.5	-17.9
	NVL	NO VA LAND INVES	61,000	60,152 (2,597)	83,979 (3.6)	32.9	15.8	15.2	3.5	15.8	13.9	2.4	-	-0.7	-0.8	-1.6	2.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	26,250	14,669 (633)	42,295 (1.8)	10.0	13.6	11.4	14.3	14.1	15.6	1.8	1.6	1.2	6.1	6.7	2.5
	DXG	DAT XANH GROUP	13,700	7,101 (307)	81,364 (3.5)	12.6	17.2	6.9	-55.3	3.1	14.0	1.0	0.9	-0.4	-2.8	16.1	-5.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	94,000	348,634 (15,050)	76,641 (3.3)	6.3	21.5	18.3	10.4	19.4	19.0	3.6	3.0	0.5	4.2	9.3	4.2
	BID	BANK FOR INVESTM	42,600	171,338 (7,396)	71,833 (3.1)	12.7	26.9	18.8	-3.9	9.1	11.5	2.1	1.9	3.1	5.4	3.9	-7.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,600	82,603 (3,566)	477,999 (20.6)	0.0	7.7	6.6	5.4	16.0	15.9	1.1	1.0	0.0	0.9	1.1	0.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,050	126,782 (5,473)	272,251 (11.8)	1.0	14.5	10.9	28.9	12.4	14.6	1.6	1.4	3.2	2.3	11.6	62.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	27,200	66,307 (2,862)	164,316 (7.1)	0.5	8.0	6.9	5.3	17.9	16.9	1.3	1.1	1.9	6.7	11.9	36.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,500	54,076 (2,334)	160,742 (6.9)	0.0	6.9	6.0	10.2	18.5	17.7	1.1	1.0	0.3	0.0	6.0	7.8
	HDB	HDBANK	25,500	32,020 (1,382)	92,864 (4.0)	3.5	7.2	6.1	26.5	19.2	18.7	1.2	1.0	0.4	0.2	2.0	20.3
	STB	SACOMBANK	14,500	26,153 (1,129)	189,939 (8.2)	14.5	15.0	11.7	11.5	7.2	8.4	0.9	0.9	1.0	2.1	2.8	44.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,800	20,251 (874)	46,790 (2.0)	0.0	6.6	5.5	30.8	22.4	20.4	1.3	1.0	-1.4	0.4	3.3	17.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,250	21,208 (916)	5,447 (0.2)	0.0	24.9	28.4	13.6	5.3	4.4	1.3	1.2	0.0	0.6	-0.3	-3.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	54,600	40,531 (1,750)	48,640 (2.1)	20.4	31.9	25.9	4.6	6.6	8.2	2.1	2.0	-1.1	-4.0	1.3	-20.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	30,500	2,786 (120)	10,636 (0.5)	14.5	-	-	-	8.2	9.1	1.2	1.2	-0.5	5.4	10.3	23.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	19,150	11,508 (497)	98,567 (4.3)	51.6	12.9	11.9	-15.9	9.2	9.7	-	-	-0.3	3.8	8.8	23.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	41,700	6,906 (298)	40,411 (1.7)	73.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	2.2	16.5	41.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	24,200	7,382 (319)	66,080 (2.9)	51.4	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	3.9	10.5	13.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,450	3,639 (157)	29,481 (1.3)	16.0	-	-	-	-	-	-	-	1.5	0.0	11.9	21.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,900	229,652 (9,914)	207,442 (9.0)	42.0	22.1	20.2	7.1	38.3	39.1	7.8	7.1	-0.5	0.2	-0.5	13.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	195,000	125,050 (5,398)	21,474 (0.9)	36.9	29.3	24.3	2.8	22.2	24.7	6.1	5.4	1.5	0.7	5.4	-14.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	83,700	98,321 (4,244)	189,219 (8.2)	15.3	106.4	39.3	-58.2	2.4	6.7	3.0	3.0	1.7	2.1	-4.8	48.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,250	15,797 (682)	26,463 (1.1)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	6.7	29.5	22.3	2.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	120,100	62,913 (2,716)	65,416 (2.8)	11.8	-	20.8	-91.0	0.0	19.7	4.3	3.9	0.9	5.6	14.9	-17.9
	GMD	GEMADEPT CORP	27,400	8,136 (351)	31,670 (1.4)	0.0	20.2	18.0	-53.3	6.8	7.4	1.4	1.3	1.5	1.9	16.6	17.6
	CII	HO CHI MINH CITY	17,400	4,156 (179)	25,976 (1.1)	40.2	8.8	8.1	142.2	9.6	9.4	0.8	0.7	-0.9	2.4	2.4	-22.7
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,180	1,237 (053)	9,905 (0.4)	47.3	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.9	-3.5	-87.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,800	9,775 (422)	192,733 (8.3)	35.6	25.5	10.9	-20.9	10.5	13.6	-	-	-0.5	1.0	1.5	7.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	64,000	4,883 (211)	54,626 (2.4)	3.0	8.1	8.8	-34.2	7.3	6.7	0.6	0.6	0.3	3.6	13.3	24.8
	REE	REE	46,400	14,386 (621)	19,238 (0.8)	0.0	9.4	8.5	-9.0	13.6	13.8	1.2	1.1	1.1	5.7	10.7	27.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDm)	GTGD (VNĐtriệu, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	83,300	159,432 (6,882)	93,060 (4.0)	46.0	19.7	16.8	-14.2	17.0	18.4	3.2	3.1	0.7	1.5	15.7	-11.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,950	6,607 (285)	3,496 (0.2)	29.6	10.2	9.7	-7.3	15.5	16.5	1.6	1.5	-0.9	-0.2	2.5	6.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,350	7,486 (323)	3,562 (0.2)	33.7	8.9	8.6	-13.6	14.4	14.6	1.2	1.2	1.3	1.5	1.3	-13.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	35,100	116,296 (5,020)	733,183 (31.7)	15.6	10.3	8.6	15.0	20.9	20.5	2.0	1.7	-1.4	-0.3	14.0	79.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,300	6,770 (292)	48,320 (2.1)	36.3	9.9	10.4	7.1	9.6	8.7	0.8	0.8	-0.6	0.0	2.1	33.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,200	6,459 (279)	42,269 (1.8)	45.5	10.7	20.2	1.0	10.3	5.7	1.0	1.0	0.4	-1.6	-2.8	87.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,500	8,220 (355)	217,918 (9.4)	37.6	9.1	9.0	71.2	13.4	12.2	1.1	-	2.2	-1.6	21.3	148.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,200	2,705 (117)	19,172 (0.8)	97.8	6.6	7.4	39.3	13.3	10.5	0.7	0.6	1.2	-0.8	5.6	0.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	51,400	62,647 (2,704)	28,216 (1.2)	4.2	55.1	17.6	-42.9	5.0	15.1	2.6	2.3	2.0	1.4	2.8	-8.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	13,250	5,580 (241)	84,472 (3.6)	40.2	50.8	52.0	-14.7	0.8	1.0	0.4	0.4	0.0	4.3	20.5	-12.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,000	4,208 (182)	37,526 (1.6)	32.1	8.8	8.1	-11.1	10.5	10.6	0.8	0.8	3.1	-1.3	12.0	-11.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	112,800	51,054 (2,204)	111,642 (4.8)	0.0	13.5	10.0	11.5	27.0	28.9	3.3	2.6	0.7	0.7	2.5	-1.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	76,200	17,154 (741)	87,306 (3.8)	0.0	18.5	15.2	1.3	21.0	23.5	3.5	3.1	0.0	3.0	10.4	-11.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,100	1,379 (060)	1,539 (0.1)	70.0	18.5	13.5	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	-0.5	-0.2	-1.6	19.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,200	1,753 (076)	9,673 (0.4)	14.2	14.8	10.5	-48.5	6.8	12.1	1.2	1.0	0.0	-1.8	-3.1	5.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	62,600	8,482 (366)	68,102 (2.9)	36.3	8.5	7.9	25.2	36.4	31.8	2.8	2.4	-0.6	-2.0	10.8	63.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,400	13,519 (584)	487 (0.0)	45.2	18.7	17.7	13.6	21.4	20.3	3.5	3.3	0.1	0.5	0.4	13.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,000	5,626 (243)	1,309 (0.1)	29.9	16.0	-	7.3	16.4	-	2.6	-	0.1	1.9	7.0	38.1
IT	FPT	FPT CORP	55,700	43,664 (1,885)	116,743 (5.0)	0.0	12.7	11.1	19.1	22.7	23.5	2.6	2.3	0.9	1.1	5.5	9.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.